

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

Bản án số: 47/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 07-5-2024

“V/v Tranh chấp hôn nhân gia
đình”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Lệ Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Hồng; ông Nguyễn Tất Thê

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Vân - Thư ký Toà án tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 08/5/2024 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 13/TB-TLVA, ngày 17/01/2024 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐXX-ST, ngày 16/4/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐ-ST, ngày 24/4/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Hồng N**, sinh ngày 23/01/1989.

Địa chỉ: thôn Q, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: **Anh Lại Văn N1**, sinh ngày 10/7/1987. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: thôn Q, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Hàn Quốc (Không rõ địa chỉ - Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn **chị Nguyễn Thị Hồng N**:

Về quan hệ hôn nhân: **chị Nguyễn Thị Hồng N** và **anh Lại Văn N1** có đăng ký kết hôn với nhau ngày 21/11/2012 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở tự do tìm hiểu và yêu thương tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến tháng 01/2018 **anh Lại Văn N1** đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Thời gian đầu, vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc, quan tâm và chia sẻ với nhau. Đến năm 2022, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi do bất đồng về quan điểm sống nên tình cảm phai nhạt. Sau nhiều lần cố

gắng hàn gắn tình cảm để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, Hiện tại, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị [N](#) đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh [Lai Văn N1](#).

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị [Nguyễn Thị Hồng N](#) và anh [Lai Văn N1](#) có 02 con chung tên là [Lai Nguyễn Hương T](#), sinh ngày 09/9/2013 và cháu [Lai Nguyễn Duy A](#), sinh ngày 11/02/2015. Chị [N](#) có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con và không yêu cầu anh [N1](#) phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh [Lai Văn N1](#): Quá trình giải quyết vụ án, ngay từ khi thụ lý Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng, và đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi bị đơn anh [Lai Văn N1](#) cư trú trước khi xuất cảnh. Cụ thể là gia đình ông [Lai Văn Đ](#) (bố mẹ đẻ anh [Lai Văn N1](#)) ở [thôn Q, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh](#). Tại buổi làm việc, ông [Lai Văn Đ](#) cung cấp một số thông tin: chị [Nguyễn Thị Hồng N](#) và anh [Lai Văn N1](#) có đăng ký kết hôn với nhau ngày 21/11/2012 tại [UBND xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh](#). Vợ chồng có 02 con chung tên là [Lai Nguyễn Hương T](#), sinh ngày 09/9/2013 và cháu [Lai Nguyễn Duy A](#), sinh ngày 11/02/2015. Cũng theo ông [Đ](#) cho biết, hiện tại anh [Lai Văn N1](#) đi làm ở Hàn Quốc (ông bà không biết địa chỉ cụ thể), anh [N1](#) biết việc chị [N](#) có đơn yêu cầu được ly hôn và anh không có trao đổi gì với gia đình về việc này. Tuy nhiên, kết thúc buổi làm việc, ông [Lai Văn Đ](#) không ký tên vào bất kỳ văn bản nào của Tòa án.

Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã tiến hành niêm yết tại trụ sở [UBND xã K](#) các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án; các Thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải (lần 1, lần 2); Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa... theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 123 Luật Hôn nhân gia đình 2014, cụ thể:

Về tình cảm: Cho chị [Nguyễn Thị Hồng N](#) được ly hôn với anh [Lai Văn N1](#).

Về con chung: giao 02 con chung tên là [Lai Nguyễn Hương T](#), sinh ngày 09/9/2013 và cháu [L Nguyễn Duy A](#), sinh ngày 11/02/2015 cho chị [N](#) được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con; Anh [Lai Văn N1](#) không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Chị [Nguyễn Thị Hồng N](#) phải chịu án phí giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại thời điểm thụ lý vụ án chị [Nguyễn Thị Hồng N](#) đang sinh sống [thôn Q, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh](#).

Anh [Lại Văn N1](#) hiện nay đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc. Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh [N1](#), được ông [Lại Văn Đ](#) bổ đề anh [N1](#) cung cấp thông tin: hiện nay anh [N1](#) đang ở Hàn Quốc, song địa chỉ cụ thể gia đình không biết cũng như từ chối là việc, không hợp tác với Tòa án. Tại công văn cung cấp thông tin danh sách khách xuất nhập cảnh số 2349/QLXNC-P3 ngày 30/01/2024 của [Cục Q - Bộ C](#), xác nhận: anh [Lại Văn N1](#), sinh ngày 10/7/1987; số hộ chiếu: C2984533; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: [Q, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh](#) đã xuất cảnh lần gần đây nhất vào ngày 19/01/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Căn cứ các Điều 28, 37, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 7 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân tỉnh Hà Tĩnh.

[1.2] Ngoài ra, để giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật, ngay từ khi thụ lý Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng cho anh [Lại Văn N1](#) cũng như tiến hành xác minh tại gia đình ông [Lại Văn Đ](#) bổ đề anh [N1](#). Ông [Đ](#) cung cấp thông tin: hiện nay anh [N1](#) đang ở Hàn Quốc, song địa chỉ cụ thể gia đình không biết, ông [Đ](#) từ chối không ký vào biên bản xác minh của Tòa án. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã trực tiếp làm việc với [Ủy ban nhân dân xã K](#) để tiến hành niêm yết các thủ tục về các Phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ (lần 1 và lần 2); niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử; các Quyết định hoãn phiên tòa tại [UBND xã K](#) theo đúng trình tự quy định.

Đồng thời, vì lý do bận công việc nên chị [Nguyễn Thị Hồng N](#) có đơn yêu cầu được Tòa án xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị [Nguyễn Thị Hồng N](#) và anh [Lại Văn N1](#) có đăng ký kết hôn với nhau ngày 21/11/2012 tại [UBND xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh](#) trên cơ sở tự do tìm hiểu và yêu thương tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến tháng 01/2018 anh [Lại Văn N1](#) đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Thời gian đầu, vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc, quan tâm và chia sẻ với nhau. Đến năm 2022, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi do bất đồng về quan điểm sống nên tình cảm phai nhạt. Sau nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, Hiện tại, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị [N](#) đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh [Lại Văn N1](#).

Đối với anh [Lai Văn N1](#), tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình ông [Lai Văn Đ](#) bố đẻ anh [N1](#). Ông [Đ](#) cung cấp thông tin: hiện nay anh [N1](#) đang ở Hàn Quốc, song địa chỉ cụ thể gia đình không biết, ông [Đ](#) từ chối không ký vào biên bản xác minh của Tòa án. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã trực tiếp làm việc với [Ủy ban nhân dân xã K](#) để tiến hành niêm yết các thủ tục về các Phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ (lần 1 và lần 2); niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử; các Quyết định hoãn phiên tòa tại [UBND xã K](#) theo đúng trình tự quy định.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nhưng hôn nhân giữa chị [N](#), anh [N1](#) không đạt được mục đích đó. Vì vậy, nguyện vọng của chị [N](#) là chính đáng, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, xử cho chị được ly hôn với anh [Lai Văn N1](#) để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới tốt đẹp hơn.

[2.2] Về quan hệ con chung: giao 02 con chung tên là [Lai Nguyễn Hương T](#), sinh ngày 09/9/2013 và cháu [L Nguyễn Duy A](#), sinh ngày 11/02/2015 cho chị [N](#) được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con; Anh [Lai Văn N1](#) không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cấm, cản trở.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: chị [Nguyễn Thị Hồng N](#) phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 123 Luật Hôn nhân gia đình 2014; Khoản 3 Điều 2, Điều 19, Điều 28, Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 149 Điều 227, Điều 273, Điều 469, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Mục 2 phần II Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị [Nguyễn Thị Hồng N](#) được ly hôn với anh [Lai Văn N1](#).

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên là [Lai Nguyễn Hương T](#), sinh ngày 09/9/2013 và cháu [L Nguyễn Duy A](#), sinh ngày 11/02/2015 cho chị [N](#) được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con; Anh [Lai Văn N1](#) không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cấm, cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

4. **Về án phí:** chị [Nguyễn Thị Hồng N](#) phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000769 ngày 16/01/2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

5. **Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Kỳ Xuân;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Lệ Thu